TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HẢI
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – H phúc

Bản án số: 30/2018/DS-ST
Ngày: 31/8/2018
(V/v Tranh chấp hợp đồng hợp đồng mua bán)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HẢI - TỈNH BẠC LIÊU

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Hải Đăng
Các hội thẩm nhân dân:
1/. Bà Trần Thị Nga
2/. Bà Phạm Thị Nhâm

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Hồng Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải tham gia phiên tòa: Ông Trần Trung Kiên, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hải xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 43/2018/TLST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2018 về việc "tranh chấp hợp đồng mua bán", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2018/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1/. Nguyên đơn: **Bà Huỳnh Hồng H,** sinh năm 1968 (có mặt)
Địa chỉ: số nhà 56, ấp B II, xã LĐĐ, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

2/. Bị đơn: **Anh Trịnh Văn T**, sinh năm 1978 (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp H I, xã LĐ, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nguyên đơn bà Huỳnh Hồng H trình bày: Trước đây vào ngày 02/10/2017 âm lịch bà có hợp đồng bán cho anh Trịnh Văn T số lượng muối là 5.000 giạ, hai bên thỏa thuận giá mỗi giạ là 26.000đ. Khi hợp đồng thì hai bên có làm giấy tờ, giấy cho bà viết, anh T ký tên. Tuy nhiên khi đong muối giao cho anh T thì bà đã giao cho anh T tổng cộng 5.190 giạ muối, với giá tổng cộng là 134.940.000đ. Anh T đã trả cho bà được số tiền 106.000.000đ, nên còn thiếu lại bà số tiền là 28.940.000đ.

Nay bà khởi kiện yêu cầu anh Trịnh Văn T phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền còn thiếu là 28.940.000đ.

Tại bản tường trình ngày 13/4/2018 anh Trịnh Văn T trình bày: Vào khoảng tháng 10 năm 2017 anh có hợp đồng mua 5.000 giạ muối của bà H, với giá 26.000đ/giạ. Sau khi hai bên thỏa thuận giá xong thì bà H đong muối cho anh được 5057 giạ, thành tiền là 131.482.000đ. Anh đã trả cho bà H được số tiền 125.000.000đ, nên anh chỉ còn thiếu lại bà H số tiền 6.482.000đ. Sau đó bà H có đồng ý bán thêm cho anh 3000 giạ muối, với giá 28.000đ/giạ, việc này thì hai bên chỉ thỏa thuận miệng không có làm giấy tờ gì. Khi bà H chưa kịp đong muối cho anh thì do trời mưa nên giá muối lên 32.000đ/giạ, bà H đổi ý không bán cho anh nữa, nên anh phải mua muối của người để giao cho khách hàng. Nay anh T xác định anh chỉ thiếu bà H số tiền 6.482.000đ chứ không phải số tiền 28.940.000đ như yêu cầu của bà H.

Tại phiên tòa hôm nay bà H xác định bà không còn các tài liệu, chứng cứ gì để cung cấp thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của nguyên đơn là đúng theo quy định của pháp luật, riêng bị đơn anh Trịnh Văn T chấp hành chưa nghiêm theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H đối với anh T. Buộc anh T phải có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền mua muối còn thiếu là 28.940.000đ.

Án phí có giá ngạch buộc anh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của chị H đối với anh T về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản; Bị đơn anh T có hộ khẩu thường trú tại huyện Đông Hải, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải.

Anh T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng anh T vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T.

[2] Về nội dung vụ án : Xét thấy giao dịch mua bán muối giữa bà H và anh T đã được hai bên đương sự thống nhất thừa nhận là có xảy ra trên thực tế; Anh T thừa

nhận có mua của bà H 5.057 giạ muối, giá 26.000đ/giạ, với số tiền là 131.482.000đ. Căn cứ khoản 1 Điều 92 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử ghi nhận đây là sự thật.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà H đối với anh T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại khoản 1 Điều 6 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: *"đương sự có quyền và nghĩa vụ chủ động thu thập, giao nộp chứng cứ cho Tòa án và chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp";* Tại khoản 1 Điều 91 bộ luật tố tụng dân sự quy định *"đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình thì phải đưa ra những chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp"*. Chứng cứ bà H xuất trình là lời xác nhận của những đã trực tiếp đong muối cho anh T. Tuy nhiên, chứng cứ này không đủ cơ sở để được xem xét, vì những người này đều là những người làm công cho bà H, nên lời trình bày của họ sẽ không đảm bảo tính khách quan. Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay phía bà H không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh có việc bà đã bán cho anh T 5.190 giạ muối. Tuy nhiên, căn cứ vào sự thừa nhận của anh T thì Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định anh T có mua của bà H 5.057 giạ muối, giá 26.000đ/giạ, với số tiền là 131.482.000đ.

Anh T trình bày anh có trả cho bà H được 125.00.000đ, nên anh chỉ còn thiếu lại 6.482.000đ. Bà H xác định anh T chỉ trả cho bà số tiền 106.000.000đ, nên còn thiếu lại bà số tiền 28.940.000đ. Xét thấy anh T không cung cấp các tài liệu, chứng cứ để chứng minh đã trả cho bà H được 125.000.000đ, nên Hội đồng xét xử không đủ căn cứ chấp nhận lời trình bày của anh T, mà cần chấp nhận lời trình bày của bà H, tức xác định anh T có trả cho bà H được 106.000.000đ.

Như vậy đối trừ số tiền của hợp đồng mua muối là 131.482.000đ, anh T đã trả được 106.000.000đ, nên anh T còn thiếu lại bà H số tiền 25.482.000đ. Hội đồng xét xử đủ căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H đối với anh T, buộc anh T có trách nhiệm trả cho bà H số tiền 25.482.000đ là phù hợp với quy định của pháp luật.

Án phí có giá ngạch anh T phải chịu đối với số tiền anh bị buộc trả cho bà H là 25.482.000 x 5% = 1.274.100đ.

Bà H phải chịu án phí đối với phần yêu cầu của bà không được chấp nhận là 28.940.000đ – 25.482.000đ = 3.458.000đ. Án phí được tính theo quy định của pháp luật là 300.000đ.

Quan điểm đề xuất của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp, được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận một phần.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ Điều 430 và 440 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Hồng H đối với anh Trịnh Văn T về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

2/. Buộc anh Trịnh Văn T có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Hồng H số tiền còn thiếu là 25.482.000đ (hai mươi lăm triệu, bốn trăm tám mươi hai ngàn đồng)

3/. Không chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Hồng H đối với anh Trịnh Văn T về việc đòi số tiền còn thiếu là 3.458.000đ (ba triệu bốn trăm năm mươi tám ngàn đồng)

4/. Án phí sơ thẩm dân sự có giá ngạch: Buộc anh Trịnh Văn T phải nộp số tiền 1.274.100đ (một triệu hai trăm bảy mươi bốn ngàn một trăm đồng)

Buộc bà Huỳnh Hồng H phải chịu án phí có giá ngạch là 300.000đ. Bà Huỳnh Hồng H đã nộp tạm ứng số tiền 723.500đ theo biên lai thu số 0011062 ngày 03/4/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hải được đối trừ. Hoàn lại cho bà Huỳnh Hồng H số tiền 423.500đ (bốn trăm hai mươi ba ngàn bốn trăm đồng) khi bản án có hiệu lực pháp luật.

4/. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm thi hành án theo quy định tài khoản 2 Điều 468 bộ Luật dân sự.

5/. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho bà Huỳnh Hồng H biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Anh Trịnh Văn T vắng mặt được quyền

kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
đã ký

Lưu Hải Đăng

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BL
- VKSND huyện Đông Hải
- THA huyện Đông Hải
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án;